

Số: 54 /QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình công tác
lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2018**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 48/2017/NQ-QH14 ngày 10/11/2017 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; số 50/2017/NQ-QH14 ngày 14/11/2017 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *ML*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung



CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Lĩnh vực Lao động - Người có công và Xã hội

Năm 2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-LĐTĐ ngày 17/01/2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Năm 2018, năm bản lề thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016-2020, quán triệt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, với phương châm hành động Chính phủ là “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*”. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định trọng tâm chỉ đạo điều hành là: “*Tiếp tục hoàn thiện, phát triển thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Cải thiện, nâng cao mức sống người có công, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội*”.

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục thực hiện phương châm: “*Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả*”, toàn ngành phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Lao động, Người có công và Xã hội năm 2018; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Hoàn thiện thể chế, hoàn thành Chương trình công tác năm 2018 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; trong đó, tập trung nghiên cứu, xây dựng Bộ luật Lao động sửa đổi; nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng; các Đề án trình Hội nghị TW7. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến các chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo Chương trình hành động của Bộ đã ban hành.

2. Phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm: Tiếp tục các giải pháp phát triển thị trường lao động, tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường lao động, thu thập, cập nhật, phân tích dữ liệu thị trường lao động. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển thị trường lao động một cách đầy đủ, vận hành thông suốt. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm. Thực hiện hiệu quả chương trình đề án, chính sách về giải quyết việc làm,

đảm bảo việc làm ổn định cho lao động nữ, đặc biệt là lao động nữ trên 35 tuổi làm việc tại các khu công nghiệp. Thực hiện các giải pháp ổn định, mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, nhất là thị trường xuất khẩu lao động với các nghề yêu cầu có kỹ năng nghề cao; quản lý chặt chẽ, bảo vệ tốt quyền lợi của người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

3. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động

Hoàn thiện Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, cải cách chính sách tiền lương trong khu vực sản xuất - kinh doanh. Hướng dẫn, phổ biến, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động - tiền lương; hướng dẫn việc sắp xếp lại lao động trong các doanh nghiệp để đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Chủ động theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động. Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động và tiền lương tại một số địa bàn trọng điểm.

Tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Nghiên cứu, xây dựng đề án giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giao cho địa phương.

Thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; triển khai tổ chức các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động và Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động năm 2018.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả Giáo dục nghề nghiệp: Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nghề nghiệp chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên đào tạo, đào tạo lại nhân lực đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0; trong đó tập trung: Hoàn thiện, triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; Xây dựng các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội.

5. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng: Triển khai Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công. Giải quyết căn bản hồ sơ đang còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công. Đảm bảo nguồn lực hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho người có công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt, xác định danh tính liệt sĩ thiếu thông tin. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công”.

6. Thực hiện tốt mục tiêu Giảm nghèo bền vững: Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Tập trung thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng

tiếp cận đa chiều nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Đẩy nhanh rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo, tích hợp chính sách giảm nghèo. Thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

7. Làm tốt công tác Trợ giúp xã hội: Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và các chính sách trợ giúp xã hội, bảo đảm 100% các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội được thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội và các chính sách phúc lợi xã hội liên quan theo quy định hiện hành. Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, bảo đảm 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời. Xây dựng cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội đồng bộ; cải cách hệ thống chi trả chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm chi trả kịp thời, đúng đối tượng và thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công chuyên nghiệp.

8. Tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền Trẻ em: Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2016-2020; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em; xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra bạo lực, bạo hành trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em.

9. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách, chương trình liên quan đến bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; trong đó chú trọng xây dựng chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử.

10. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm. Tổng kết, đánh giá và có các giải pháp hiệu quả đối với mô hình cai nghiện ma túy tại cộng đồng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020; làm tốt công tác xác minh, bảo vệ và trợ giúp nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng.

11. Cải cách hành chính; Ứng dụng công nghệ thông tin gắn với sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ; xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các TTHC về lao động, người có công và xã hội; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Bộ; thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

12. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách lĩnh vực lao động, người có công và xã hội. Tập trung thanh tra, kiểm tra các vấn đề được Quốc hội và cử tri quan tâm; các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, trục lợi chính sách. Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

13. Hợp tác quốc tế; thông tin, tuyên truyền: chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế; tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội; phổ biến, giải thích chính sách pháp luật về lao động, người có công và xã hội; thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm để doanh nghiệp, người dân hiểu và chia sẻ nhằm tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách, pháp luật.

14. Công tác tổng hợp, văn phòng, kế hoạch - tài chính: chủ động tham mưu tích cực cho Lãnh đạo Bộ trong chỉ đạo, điều hành; đảm bảo các điều kiện, duy trì điều phối hoạt động cơ quan để thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

15. Làm tốt công tác dân vận, chủ động phối hợp chặt chẽ với các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở các cấp, các địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thống nhất quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực đã đạt được trong năm 2017, nghiêm túc triển khai quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm và Phụ lục phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo, triển khai xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cụ thể; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện đưa vào chương trình công tác của cơ quan, đơn vị.

1.2. Tập trung và chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc triển khai thực hiện trong lĩnh vực, địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng để kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hàng tháng, quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước các lĩnh vực; phối hợp với các Sở, ngành chức năng của địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ về Lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

2. Các đơn vị tổng hợp, đơn vị phụ trách các lĩnh vực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Bộ.

Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	CHỈ TIÊU QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ GIAO					
1	Giảm Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều	%	1% - 1,3%	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Cục Bảo trợ xã hội, Tổng cục Thống kê, các đơn vị	Năm 2018
	Trong đó, các huyện nghèo	%	4%			
2	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4%	Cục Việc làm	Viện Khoa học LĐ-XH, Tổng cục Thống kê	Năm 2018
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	58% - 60%	Cục Việc làm	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Viện Khoa học LĐ-XH, Tổng cục Thống kê	Năm 2018
	Trong đó, có bằng cấp chứng chỉ	%	23% - 25%			
II	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGÀNH					
1	Tạo việc làm	người	1.600.000			
1.1	Việc làm trong nước	người	1.490.000	Cục Việc làm	Cục Quan hệ Lao động - Tiền lương, Viện Khoa học LĐ-XH	Năm 2018
1.2	Xuất khẩu lao động	người	110.000	Cục Quản lý LĐNN	Trung tâm Lao động ngoài nước	Năm 2018
2	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội trong tổng lực lượng lao động	%	26 - 28	Vụ Bảo hiểm xã hội	Cục Quan hệ Lao động - Tiền lương, Cục Việc làm, Cục An toàn lao động, Vụ Pháp chế	Năm 2018
3	Giáo dục nghề nghiệp					Năm 2018
3.1	Tuyển mới	người	2.200.000	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp		
a	Cao đẳng	người	210.000			
b	Trung cấp	người	330.000			
c	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	người	1.660.000			
	Trong đó, Lao động nông thôn	người	800.000			
	Người khuyết tật	người	20.000			
3.2	Tốt nghiệp	người	2.100.000			
a	Cao đẳng	người	224.000			
b	Trung cấp	người	216.000			
c	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	người	1.660.000			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
4	Chăm sóc người có công (NCC)					Năm 2018
4.1	Tỷ lệ gia đình NCC có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú	%	99,0	Cục Người có công		
4.2	Tỷ lệ xã/phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công	%	98,5			
5	Bảo trợ xã hội					Năm 2018
5.1	Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	%	100	Cục Bảo trợ xã hội		
5.2	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng	%	83			
6	Bảo vệ, chăm sóc trẻ em					Năm 2018
6.1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	%	88	Cục Trẻ em	Cục Bảo trợ xã hội, Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam	
6.2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	83			
7	Phòng, chống tệ nạn xã hội					Năm 2018
7.1	Tỷ lệ số người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý	%	82	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội		
7.2	Giảm tỷ lệ điều trị bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện	%	11			
7.3	Số người bán dâm được tiếp cận dịch vụ hỗ trợ	Lượt người	15.000			
	<i>Trong đó: Hỗ trợ vay vốn, tạo việc làm</i>	<i>Lượt người</i>	<i>5.000</i>			

CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA NGÀNH NĂM 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
A	HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT					
Thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 2095/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017						
B	NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA BỘ					
I	Phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm					
1	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm; tăng cường hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, tăng tần suất, nâng cao hiệu quả tổ chức sàn giao dịch việc làm tại địa phương.	Cục Việc làm	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước	Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
2	Dự báo nhu cầu lao động, thu thập, cập nhật, phân tích dữ liệu thị trường lao động, nhu cầu đào tạo nghề nghiệp.	Cục Việc làm	Tổng cục GDNN, Viện Khoa học LĐ-XH	Chính phủ/ Bộ	Đề án	Năm 2018
3	Thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm; trong đó, chú trọng hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn; hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật, lao động vùng biên giới.	Cục Việc làm	Các đơn vị Quản lý nhà nước thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
4	Kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm; Tình hình triển khai Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm (Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động) và các đề án, dự án, chính sách về giải quyết việc làm.	Cục Việc làm	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
5	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại trong hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định, mở rộng thị trường lao động ngoài nước; quản lý chặt chẽ, bảo vệ tốt quyền lợi của người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trong việc thực hiện quy định pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.	Cục Quản lý lao động ngoài nước	Trung tâm lao động ngoài nước, Vụ Hợp tác quốc tế	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
6	Kiểm tra, thanh tra, giám sát các doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tình hình lao động Việt Nam đi làm việc tại một số thị trường ngoài nước.	Cục Quản lý lao động ngoài nước	Thanh tra Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
7	Hướng dẫn triển khai thực hiện các quy định về quản lý lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; cấp phép cho chuyên gia khoa học - công nghệ; giấy phép làm việc trong kỳ nghỉ cho công dân NewZealand và công dân Australia theo quy định.	Cục Việc làm		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
II	Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; quan hệ lao động, an toàn lao động					
8	Tiếp tục rà soát hệ thống pháp luật về tiền lương, quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động; tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương đối với khu vực sản xuất, kinh doanh theo các nguyên tắc thị trường.	Cục Quan hệ lao động - Tiền lương, Cục An toàn lao động	Vụ Pháp chế, Vụ Bảo hiểm xã hội,	Chính phủ	Đề án	Năm 2018
9	Xây dựng, hoàn thiện Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.	Vụ Bảo hiểm xã hội	Cục Việc làm, Vụ Pháp chế	Chính phủ	Đề án	Năm 2018
10	Sơ kết 6 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TU của Bộ Chính trị về BHXH, BHTN/ Sơ kết 2 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác BHXH, BHTN.	Vụ Bảo hiểm xã hội	Cục Việc làm, Vụ Pháp chế	BCS Đảng Chính phủ/ Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo	Năm 2018
11	Xây dựng, hoàn thiện Đề án cải cách chính sách tiền lương trong khu vực sản xuất - kinh doanh.	Cục Quan hệ lao động - Tiền lương	Vụ Pháp chế	Chính phủ	Đề án	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
12	Hướng dẫn, phổ biến, giám sát, đối thoại việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động - tiền lương.	Cục Quan hệ lao động - Tiền lương	Vụ Pháp chế	Bộ	Tài liệu hướng dẫn	Năm 2018
13	Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chính sách tiền lương, quan hệ lao động; Cập nhật, theo dõi, báo cáo tình hình đình công.	Cục Quan hệ lao động - Tiền lương	Vụ Pháp chế	Bộ	Báo cáo	Hàng tháng
14	Nghiên cứu, đánh giá, thí điểm thỏa ước lao động tập thể ngành và thỏa ước thương lượng tập thể khác.	Cục Quan hệ lao động - Tiền lương		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
15	Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội	Cục Việc làm, Vụ Bảo hiểm xã hội	Văn phòng quốc gia Giảm nghèo, Cục Bảo trợ xã hội	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
16	Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về Lao động - Tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp tại địa phương	Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương, Vụ Pháp chế		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
17	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; triển khai hiệu quả Dự án tăng cường an toàn, vệ sinh lao động (thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động)	Cục An toàn lao động	Thanh tra Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
18	Đẩy mạnh hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao năng lực hoạt động đăng ký, kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	Cục An toàn lao động	Các đơn vị liên quan			Năm 2018
19	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật an toàn, vệ sinh lao động. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và tình hình tai nạn lao động; giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng.	Cục An toàn lao động	Thanh tra Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
III	Nâng cao chất lượng, hiệu quả Giáo dục nghề nghiệp					
20	Xây dựng Đề án hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
21	Hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp quốc gia.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Năm 2018
22	Xây dựng Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Bộ triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 về giáo dục nghề nghiệp và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2015 của Kỳ họp thứ 6, BCH Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính	Ban cán sự Đảng Bộ LĐTĐBXH	Nghị quyết	Năm 2018
23	Sơ kết 5 năm về công tác giáo dục nghề nghiệp thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
24	Xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, xác định rõ cơ cấu nghề đào tạo, trình độ đào tạo.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
25	Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020. Trong đó tập trung vào xây dựng hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, các phần mềm dịch vụ công trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
26	Xây dựng Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Cục Việc làm	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Năm 2018
27	Xây dựng Đề án thí điểm đào tạo, đào tạo lại người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư (4.0).	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Đề án	Năm 2018
28	Xây dựng các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp (chuẩn đầu ra; chuẩn giáo viên, cán bộ quản lý; chuẩn cơ sở vật chất thiết bị;...).	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Các Quyết định	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
29	Xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, thị trường lao động trong và ngoài nước.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
30	Triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động và các chương trình, dự án, đề án khác.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
31	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
32	Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 21/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền đảm bảo phù hợp với từng đối tượng, vùng, miền.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
33	Triển khai thí điểm kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
34	Triển khai đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động trong doanh nghiệp và người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
35	Xây dựng Kế hoạch và triển khai các hoạt động khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
36	Triển khai Quyết định số 1061/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Các đơn vị liên quan trong và ngoài Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
37	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về Quản lý nhà nước về Giáo dục nghề nghiệp.	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Thanh tra Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
IV	Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng					

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
38	Triển khai Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công.	Cục Người có công		Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
39	Tiếp tục giải quyết hồ sơ đang còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công.	Cục Người có công		Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
40	Đẩy mạnh công tác xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; xây dựng kế hoạch lấy mẫu hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin an táng tại các nghĩa trang trên cả nước.	Cục Người có công	Các đơn vị liên quan	Chính phủ/ Ban chỉ đạo Nhà nước/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
41	Phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/07/2017 của Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	Cục Người có công	Các Bộ, ngành, địa phương	Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
42	Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công với Cách mạng. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về Chính sách ưu đãi Người có công.	Cục Người có công		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
V	Thực hiện mục tiêu Giảm nghèo bền vững					
43	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Tập trung thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Cục Bảo trợ xã hội	Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
44	Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt danh sách huyện nghèo áp dụng giai đoạn 2017 - 2020.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Bộ Kế hoạch - Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	Năm 2018
45	Trình Bộ phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Tổng cục Thống kê	Bộ trưởng	Quyết định	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
46	Tiếp tục rà soát, đánh giá tác động việc thực hiện chính sách giảm nghèo, đề xuất chính sách cần tích hợp, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo hướng tập trung, gọn đầu mối, giảm bớt số lượng văn bản, tránh chồng chéo và dàn trải.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Cục Bảo trợ xã hội, Vụ Pháp chế	Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
47	Huy động nguồn lực của xã hội, thực hiện hiệu quả phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Các cơ quan Báo chí, truyền thông	Chính phủ/Quốc hội/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
48	Tổ chức rà soát, báo cáo kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2018; thực hiện đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	
VI	Thực hiện tốt công tác Trợ giúp xã hội					
49	Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật người khuyết tật, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và các chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm 100% các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội được thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội và các chính sách phúc lợi xã hội liên quan theo quy định hiện hành.	Cục Bảo trợ xã hội	Văn phòng quốc gia Người cao tuổi và các đơn vị liên quan	Chính phủ/Quốc hội	Báo cáo	Năm 2018
50	Triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030”.	Cục Bảo trợ xã hội	Trung tâm Thông tin, Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Quyết định	Năm 2018
51	Thực hiện tốt công tác cứu trợ đột xuất, nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, nhất là những địa phương bị thiệt hại nặng do các đợt bão, lũ, hạn hán, dịch bệnh,... để có phương án trợ giúp kịp thời cho người dân bị ảnh hưởng, không để người dân bị đói, không có nơi ở, bảo đảm 100% người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời.	Cục Bảo trợ xã hội	Văn phòng Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
52	Tổ chức triển khai thực hiện các Đề án: “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”. Tập trung thực hiện có hiệu quả Dự án phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế (thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020); đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy hoạch.	Cục Bảo trợ xã hội	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
53	Tăng cường kiểm tra tình hình thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội ở các địa phương. Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội theo quy định.	Cục Bảo trợ xã hội	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
VII	Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền Trẻ em					
54	Tiếp tục triển khai hiệu quả Chi thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Công ước quốc tế về quyền trẻ em mà Việt Nam đã phê chuẩn; Khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc nhằm đảm bảo cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện; xây dựng kế hoạch liên ngành thực hiện Chi thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em.	Cục Trẻ em	Cục Bảo trợ xã hội, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
55	Củng cố và phát triển Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng và nhân rộng mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; đảm bảo việc can thiệp, trợ giúp kịp thời trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại.	Cục Trẻ em	Cục Bảo trợ xã hội, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
56	Củng cố và phát triển Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em; xây dựng và nhân rộng mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bạo hành trẻ em; giảm khoảng cách chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em và trẻ em giữa các vùng miền; giảm dần số trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt; đảm bảo việc can thiệp, trợ giúp kịp thời trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại.	Cục Trẻ em	Cục Bảo trợ xã hội, Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
57	Đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, để mọi trẻ em đều được bảo vệ, chăm sóc và thực hiện các quyền cơ bản.	Cục Trẻ em		Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
58	Tăng cường sự phối hợp, xác định rõ trách nhiệm giữa các cấp, các ngành, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em.	Cục Trẻ em	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
59	Tập trung thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Chương trình bảo vệ trẻ em, thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc CTMT hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS...	Cục Trẻ em	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
60	Bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trẻ em. Xây dựng, phát triển Tổng đài điện thoại quốc gia về bảo vệ trẻ em và mạng lưới kết nối. Chủ động cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình trẻ em và việc thực hiện các quyền trẻ em.	Cục Trẻ em	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
61	Huy động các nguồn lực trong nước và quốc tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, góp phần thực hiện 4 nhóm quyền của trẻ em, gồm: Quyền được sống còn; Quyền được bảo vệ; Quyền được phát triển; Quyền được tham gia.	Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Cục Trẻ em	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Văn phòng Chủ tịch nước/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
62	Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về hoạt động vận động, hỗ trợ trẻ em.	Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Cục Trẻ em	Các cơ quan liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
VIII	Thực hiện Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của Phụ nữ					
63	Tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách, chương trình liên quan đến bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.	Vụ Bình đẳng giới	Vụ Pháp chế	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo/ Quyết định	2018 và các năm tiếp theo

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
64	Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới.	Vụ Bình đẳng giới	Vụ Pháp chế, Cục Trẻ em, Cục PC TNXH, Cục BTXH	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
65	Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020; Đề án phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Dự án hỗ trợ thực hiện mục tiêu quốc gia bình đẳng giới (thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội); Kế hoạch triển khai thực hiện Khuyến nghị của Ủy ban về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên hợp quốc.	Vụ Bình đẳng giới	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	2018 - 2020
66	Tổ chức “Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” năm 2018 trên phạm vi cả nước.	Vụ Bình đẳng giới	Văn phòng Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
67	Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện Chi thị của Ban Bí thư về công tác Phụ nữ trong tình hình mới.	Vụ Bình đẳng giới	Các cơ quan liên quan	Thủ tướng Chính phủ	Đề án	Năm 2018
68	Tăng cường tuyên truyền về giới, bình đẳng giới; nâng cao nhận thức để thay đổi dần các phong tục, tập quán lạc hậu ảnh hưởng đến bình đẳng giới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.	Vụ Bình đẳng giới	Văn phòng Bộ, Báo LĐXH, Tạp chí LĐXH, Trung tâm Thông tin, Trung tâm Tư vấn DVTT và Tạp chí GĐTE			Năm 2018
69	Kiểm tra, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới.	Vụ Bình đẳng giới	Vụ Pháp chế	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
IX	Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán hòa nhập cộng đồng					

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
82	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tăng cường cung cấp dịch vụ công qua mạng, thuê doanh nghiệp thực hiện cung cấp hoặc thực hiện một số khâu, thủ tục cung cấp dịch vụ công.	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị QLNN, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ trưởng	Quyết định	Năm 2018
83	Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, thu gọn đầu mối bên trong của các đơn vị thuộc Bộ; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo điều hành; Duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính.	Vụ Tổ chức cán bộ	Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ	Quyết định	Năm 2018
84	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách về tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch và giải pháp để tinh giản biên chế. Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015.	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị liên quan	Bộ	Quyết định	Năm 2018
85	Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo danh mục đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan	Bộ Nội vụ	Quyết định	Năm 2018
86	Tăng cường đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; giảm hội họp, đơn giản hóa chế độ báo cáo; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính.	Văn phòng Bộ	Thanh tra Bộ, Tổng cục GDNN, các Cục, Vụ	Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
87	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ. Cuối năm 2018, các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Bộ phải xử lý được hồ sơ công việc trên môi trường mạng.	Trung tâm Thông tin	Các đơn vị thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
88	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt.	Trung tâm thông tin, các đơn vị quản lý nhà nước	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	2018 - 2019
89	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.	Vụ Tổ chức cán bộ	Trường Đào tạo, bồi dưỡng CBCC	Bộ	Quyết định	Năm 2018
XI	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo					
90	Triển khai thực hiện các nội dung thanh tra đã được phê duyệt tại Quyết định số 1625/QĐ-LĐTĐ ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2018 của Bộ và các công việc đột xuất. Đẩy mạnh triển khai các nội dung của Đề án “Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đến năm 2020”.	Thanh tra Bộ	Các cơ quan liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
91	Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan chức năng để trao đổi cung cấp thông tin về tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng; thanh tra trách nhiệm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.	Thanh tra Bộ	Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
92	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật thanh tra tại các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.	Thanh tra Bộ		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
93	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Thanh tra Bộ		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
94	Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, không để tình trạng khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.	Thanh tra Bộ	Các đơn vị liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
95	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ; xử lý nghiêm và kịp thời các cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, những thiếu sót, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.	Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ	Văn phòng Bộ, Tổng cục GDNN, các Cục, Vụ	Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
70	Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn nghiện hút ma túy; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
71	Tăng cường, nâng cao chất lượng truyền thông và công tác quản lý người nghiện, cai nghiện ma túy và phòng chống tệ nạn mại dâm.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
72	Hướng dẫn các địa phương hoàn thành việc chuyển đổi các cơ sở cai nghiện theo chỉ đạo của Chính phủ.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội		Bộ	Báo cáo	Năm 2018
73	Thực hiện tổng kết, đánh giá và có các giải pháp hiệu quả đối với mô hình cai nghiện ma túy cộng đồng; tăng cường quản lý, tư vấn, trợ giúp người sau cai nghiện ma túy hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, phòng chống tái nghiện.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các cơ quan liên quan	Quốc hội/ Chính phủ/ Bộ	Báo cáo	Năm 2018
74	Thực hiện các chương trình, đề án: dự án Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị buôn bán (Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 – 2020); Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 – 2020; Đề án “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về giai đoạn 2016 - 2020”; nâng cấp các cơ sở tiếp nhận hỗ trợ nạn nhân ở một số tỉnh trọng điểm; xây dựng thí điểm một số mô hình hỗ trợ nạn nhân dựa vào cộng đồng.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các cơ quan liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
75	Kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy; phòng chống tệ nạn mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán.	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	Các cơ quan liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
X	Cải cách hành chính; Ứng dụng công nghệ thông tin gắn với sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực					
76	Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018.	Văn phòng Bộ	Vụ Pháp chế	Bộ trưởng	Quyết định	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
77	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để thực thi các giải pháp, sáng kiến đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo Quyết định số 2023/QĐ-LĐTBXH ngày 28/12/2017 của Bộ; xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với các thủ tục hành chính về lao động, người có công và xã hội theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP của Chính phủ về Chính phủ điện tử và Quyết định giao nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ.	Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, các đơn vị quản lý nhà nước	Các đơn vị liên quan	Bộ	Quyết định	2018
78	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016, Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04/5/2017; Tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Văn phòng Bộ	Vụ Pháp chế	Bộ	Báo cáo	2018 và các năm tiếp theo
79	Rà soát, đề xuất sửa đổi, cắt giảm hoặc bãi bỏ các điều kiện kinh doanh các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác.	Các đơn vị quản lý nhà nước, Vụ Pháp chế	Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ	Quyết định	2018
80	Tổ chức triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.	Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ	Các đơn vị quản lý nhà nước			2018 và các năm tiếp theo
81	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đối thoại định kỳ ít nhất hai lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến các chính sách pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ cho doanh nghiệp với những nội dung vượt thẩm quyền của Bộ.	Vụ Pháp chế	Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục QH LĐ-TL, Cục Việc làm, Cục ATLĐ	Bộ	Tài liệu hướng dẫn	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
96	Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường phòng chống, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng.	Thanh tra Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
97	Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Thanh tra Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
98	Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi tình hình và đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng giao.	Tổ công tác của Bộ trưởng	Văn phòng Bộ	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018
XII	Tích cực, chủ động mở rộng hợp tác quốc tế					
99	Tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Phụ nữ ASEAN lần thứ 3; tham dự các Hội nghị Bộ trưởng Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng Lao động ASEAN lần thứ 25; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đồng thuận ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư tại Việt Nam theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Bình đẳng giới và các Đơn vị QLNN	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018
100	Tiếp tục triển khai hiệu quả các thỏa thuận quốc tế đã ký trong năm 2017 và thúc đẩy đàm phán, ký kết các thỏa thuận hợp tác mới và thúc đẩy phê duyệt, triển khai các chương trình, dự án đang đàm phán với các đối tác.	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Đơn vị QLNN	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018
101	Chuẩn bị, trình Bộ các Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới, cụ thể là TPP11 (tương lai là TPP12) và FTA với EU về đề xuất các giải pháp cần thiết.	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Pháp chế, Cục QHLD-TL, Cục Việc làm, Vụ BHXH	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018
102	Tổ chức sơ kết: Kế hoạch tổng thể thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Đề án 161 để triển khai hiệu quả chủ trương hội nhập quốc tế đề ra tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch thông tin đối ngoại của Bộ giai đoạn 2015 – 2017 và xây dựng Kế hoạch 2018 – 2020 trong khuôn khổ Chương trình hành động thông tin đối ngoại 2014-2020 của Bộ và Chính phủ.	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Đơn vị QLNN	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
103	Đẩy mạnh các hoạt động đa phương, phát huy vai trò và đóng góp của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng sông Mê Kông... trong lĩnh vực lao động, xã hội.	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Đơn vị QLNN	Bộ trưởng	Báo cáo	Năm 2018
XIII	Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước					
104	Rà soát, sắp xếp quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ. Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2021.	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Quyết định	Quý IV/2018
105	Hoàn thành, trình Bộ đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công thuộc Bộ.	Các đơn vị Quản lý nhà nước thuộc Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ			
106	Trình Bộ ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian; phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị Quản lý nhà nước	Bộ	Quyết định	Quý IV/2018
107	Quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý và điều hành đơn vị sự nghiệp; quy định và thực hiện cơ chế giám sát, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện thẩm quyền.	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị liên quan trong Bộ	Bộ	Quyết định	Năm 2018
108	Triển khai cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan trong Bộ	Bộ	Quyết định	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
109	Thực hiện đẩy nhanh tiến độ thoái vốn theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị liên quan	Chính phủ		Năm 2018
XIV	Công tác Kế hoạch - Tài chính; quản lý, giám sát Đầu tư công					
110	Triển khai có hiệu quả Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật đầu tư công, Luật quản lý nợ công, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật phí và lệ phí..., các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các Luật và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý đấu thầu; đẩy mạnh đấu thầu qua mạng theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban QL Dự án ĐT XDCB	Các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
111	Tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản nhà nước; Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
112	Quản lý chặt chẽ các Dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban QL Dự án ĐT XDCB	Các chủ đầu tư Dự án XDCB	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
113	Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách nhà nước. Làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân gây chậm trễ việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018; kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách trung ương đã giao dự toán từ đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2018 chưa thực hiện phân bổ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Thanh tra Bộ, Các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
114	Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các Chương trình, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu của Chương trình.	Các đơn vị chủ trì các Dự án, hoạt động thành phần	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Bộ	Công văn	Năm 2018

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Cấp trình	Hình thức văn bản	Thời gian hoàn thành
115	Phân công trách nhiệm cụ thể đơn vị đầu mối giúp Bộ, các đơn vị chủ trì các dự án, hoạt động thành phần của các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu do Bộ quản lý.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Vụ Tổ chức cán bộ, Các đơn liên quan	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
116	Nâng cao chất lượng công tác thống kê và phân tích, dự báo liên quan đến các lĩnh vực của ngành; tổ chức hệ thống thông tin - báo cáo thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương để thu thập, xử lý thông tin kịp thời, phục vụ cho công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của Bộ.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, Các đơn vị Quản lý nhà nước thuộc Bộ	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
XV	Làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền lĩnh vực về lĩnh vực Lao động - Người có công và Xã hội	Văn phòng Bộ	Trung tâm thông tin, Báo LĐXH, Tạp chí LĐXH, Tạp chí Gia đình & Trẻ em	Bộ	Báo cáo	Năm 2018
117	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện "Năm dân vận chính quyền" trong các cơ quan, đơn vị.	Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ	Bộ	Kế hoạch	Năm 2018
118	Tăng cường công tác Thông tin, tuyên truyền về các lĩnh vực của Bộ, ngành.	Văn phòng Bộ	Trung tâm Thông tin, Các cơ quan báo chí, các đơn vị thuộc Bộ	Bộ		Năm 2018